

Bản án số: 06/2021/HS - ST.
Ngày: 04 - 3 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Hải. Nghề nghiệp: công chức. Nơi công tác: Liên đoàn Lao động huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Võ Quốc Hưng. Nghề nghiệp: viên chức. Nơi công tác: Trường Trung học phổ thông Đoàn Văn Tố.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Thế N, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2002, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc L (sống) và bà Bùi Thị P (sống); bị cáo chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho đến nay (có mặt).

- Họ và tên: Tăng Hoàng P, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2004, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn C (sống) và bà Thạch Thị B (sống); bị

cáo chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tăng Hoàng P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị cáo Tăng Hoàng P là bà Thạch Thị B: ông Tăng Văn C, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P: Luật sư Nguyễn Văn N – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S; địa chỉ: số 197, đường H, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị hại*: Lê Phước H, sinh năm: 1953; Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Người làm chứng*:

- Trần Tấn P, sinh năm: 1995; Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Trần Văn M, sinh năm: 1984; Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 26/7/2020, Phạm Thế N, Tăng Hoàng P cùng với Hồ Hoàng M cùng nhau thống nhất trộm cắp tài sản của ông Lê Phước H tại nhà nguyện R thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Khi đến phòng số 02 (phòng ngủ của ông Lê Phước H) thì N vào trong tìm tài sản, M và P ở ngoài canh đường. N tìm trong ngăn tủ thì phát hiện có 03 cọc tiền gồm 02 cọc tiền Việt Nam và 01 cọc tiền ngoại tệ. Ngọc lấy cả 03 cọc tiền cho vào túi quần và đi đến chỗ M và P canh đường thì cả 03 người cùng đi về. Tài sản trộm cắp được gồm 1.300.000 đồng và 500 USD (năm trăm đô la Mỹ). Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 27/7/2020, ông Lê Phước H đến Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trình báo vào khoảng 14 giờ cùng ngày ông H phát hiện phòng ngủ của ông H trong nhà nguyện R bị người khác đột nhập và lấy trộm 500 USD (năm trăm đô la Mỹ) và khoảng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã xác minh làm rõ và đã xác định được Phạm Thế N, sinh ngày 26/10/2002, ngụ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Tăng Hoàng P, sinh ngày 11/4/2004 ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đã trộm cắp số tiền 500 USD (năm trăm đô la Mỹ) và số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) của ông Lê Phước H.

Đến khoảng hơn 14 giờ ngày 27/7/2020, Công an xã A mời N làm việc thì N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm tiền cùng với P, M. Riêng số tiền trộm

được do P giữ thì vào khoảng 18 giờ ngày 27/7/2020 P gửi tiền cho Phạm Tuấn A, sinh ngày 27/6/2005 gồm tiền Việt Nam đồng là 140.000 đồng (một trăm bốn mươi nghìn đồng) và 05 (năm) tờ tiền đô la Mỹ (mỗi tờ mệnh giá 100 USD). Tuấn A biết tiền này là tiền do P trộm mà có, sau đó Tuấn A kêu Lữ Bửu K, sinh ngày 09/9/2003 đi rọi đèn để Tuấn A giấu tiền ở bờ dứa sau quán 35K (quán nhậu của Quý thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng).

Ngày 24/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can Phạm Thế N và Tăng Hoàng P về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 09/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C định giá 500 USD có giá trị là 11.545.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Vậy tổng giá trị thiệt hại tài sản là 12.845.000 đồng (mười hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 65X3-5877, tình trạng xe đã qua sử dụng và đã cũ.

- 05 (năm) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD gồm các tờ có số seri sau: MB72222008S; JJ29004988A; MF90333239C; MD97279675A; LG60550147C

- 14 (mười bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng.

- 04 (bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng.

- 01 (một) bật lửa màu trắng có in họa tiết bông hoa và hình giống quả táo.

- 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu trắng có kích thước (1,8x1,9x65) cm, trên ổ khóa có chữ “KHÓA TREO CHỐNG CẮT, ANTI-CUT PAD LOCK” và dòng chữ “VIỆT TIỆP” nằm ngang trong tình trạng khóa, bên trong có hai khoen kim loại.

- 01 (một) chìa khóa mở Bu-Lon 19mm bằng kim loại màu đen, dài 26,5 cm, một đầu miêng, một đầu tròn, tình trạng đã qua sử dụng và đã cũ.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Satria biển kiểm soát 83D1-228.61, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng xe hoạt động bình thường.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Cù Lao Dung đã quyết định xử lý 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 65X3-5877, tình trạng xe đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Satria biển kiểm soát 83D1-22861, màu đen, đã qua sử dụng bằng cách trả lại cho chủ sở hữu. Các vật chứng còn lại tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác truy tố, xét xử và đảm bảo thi hành án.

Bị hại Lê Phước H yêu cầu được nhận lại các vật chứng 05 (năm) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD gồm các tờ có số seri sau: MB72222008S; JJ29004988A; MF90333239C; MD97279675A; LG60550147C; 14 (mười bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền pholymer mệnh giá

20.000 đồng; 01 (một) bật lửa màu trắng có in họa tiết bông hoa và hình giống quả táo; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu trắng có kích thước (1,8x1,9x65) cm, trên ổ khóa có chữ “KHÓA TREO CHỐNG CẮT, ANTI-CUT PAD LOOK” và dòng chữ “VIỆT TIỆP” nằm ngang trong tình trạng khóa, bên trong có hai khoen kim loại.

Đối với Phan Tuấn A biết rõ tiền của P gửi là tiền do trộm cắp của người khác mà có, vẫn có hành vi “chứa chấp tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Nhưng do Phan Tuấn A chưa đủ 16 tuổi (sinh ngày 27/6/2005) nên không truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Tuấn A.

Đối với Lữ Bữu K sau khi rọi đèn cho Phan Tuấn A giấu tiền xong thì mới biết số tiền mà Phan Tuấn A đem cất giấu là tiền do P trộm được mà có và gửi cho Tuấn A cất giấu nên Lữ Bữu K có dấu hiệu phạm tội “che giấu tội phạm” quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự, nhưng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với việc che giấu tội phạm “trộm cắp tài sản” khi thuộc khoản 2 Điều 173 Bộ Luật Hình sự. Đồng thời trong Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 không có quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “che giấu tội phạm”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự, hành chính đối với Lữ Bữu K.

Đối với Hồ Hoàng M trong quá trình điều tra bị can Phạm Thế N và bị can Tăng Hoàng P khai nhận cùng M thực hiện hành vi lấy trộm tiền của bị hại Lê Phước H vào ngày 26/7/2020. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao D chưa làm việc được với Hồ Hoàng M, không có tài liệu nào khác chứng minh M là đồng phạm trong vụ trộm, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã ra thông báo truy tìm Hồ Hoàng M, nhưng chưa truy tìm được Hồ Hoàng M.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSCLD ngày 30/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Đối với bị cáo Phạm Thế N: cần áp dụng cho bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51; áp dụng Điều 17; Điều 54; Điều 58, Điều 91, Điều 101, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị tuyên phạt bị cáo Phạm Thế N từ 03 (ba) tháng đến 05 (năm) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N, do bị cáo N đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung số tiền 1.300.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên đề nghị tiếp tục quản lý số tiền 1.300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Đối với bị cáo Tăng Hoàng P: cần áp dụng cho bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51; áp dụng Điều 17; Điều 54; Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị tuyên phạt

bị cáo Tăng Hoàng P từ 03 (ba) tháng đến 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P, do bị cáo N đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung số tiền 1.300.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên đề nghị tiếp tục quản lý số tiền 1.300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P thừa nhận vì muốn có tiền sử dụng nên khoảng 19 giờ 10 phút ngày 26/7/2020 các bị cáo đã lấy trộm tiền của ông Lê Phước H như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Số tiền bị hại Lê Phước H yêu cầu bị cáo N và bị cáo P bồi thường số tiền 1.080.000 đồng thì bị cáo P và bị cáo N đồng ý bồi thường mỗi bị cáo 540.000 đồng cho ông H.

- Tại phiên tòa bị hại ông Lê Phước H khai: ông Lê Phước H trình bày vẫn giữ nguyên lời khai trước đây. Ông Lê Phước H yêu cầu được nhận lại tài sản: 05 (năm) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD gồm các tờ có số seri sau: MB72222008S; JJ29004988A; MF90333239C; MD97279675A; LG60550147C; 14 (mười bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) bật lửa màu trắng có in họa tiết bông hoa và hình giống quả táo; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu trắng có kích thước (1,8x1,9x65) cm, trên ổ khóa có chữ “KHÓA TREO CHỐNG CẮT, ANTI-CUT PAD LOOK” và dòng chữ “VIỆT TIỆP” nằm ngang trong tình trạng khóa, bên trong có hai khoen kim loại. Về trách nhiệm hình sự: ông H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xin cho các bị cáo Phạm Thế N và Tăng Hoàng P được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: ông H yêu cầu bị cáo Phạm Thế N và Tăng Hoàng P mỗi bị cáo bồi thường số tiền 540.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo N và bị cáo P là Luật sư Nguyễn Văn N trình bày: thống nhất với bản cáo trạng, thống nhất với ý kiến đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Bị cáo N và bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo có nhân thân tốt. Đối với bị cáo N và bị cáo P sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khai ra toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo N và bị cáo P đề nghị xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và được hưởng án treo.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người làm chứng là ông Trần Tấn P và ông Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa. Do trước đó những người làm chứng là ông P và ông M đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thể hiện là người bình thường có năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Phạm Thế N, sinh ngày 26/10/2002 và bị cáo Tăng Hoàng P, sinh ngày 11/4/2004 đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, tính đến ngày 27/7/2020 N và P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì N và P chưa đủ 18 tuổi nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo cần áp dụng Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công vai trò, thể hiện sự câu kết chặt chẽ nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 27/CT-VKS.CLD, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo nên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo N và bị cáo P là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt tương xứng để các bị cáo có thời gian sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ của các bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo P có người thân có công với cách mạng. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Xét thấy các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có đủ căn cứ áp dụng Điều 54 giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự để thấy chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5] Đối với số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*), bị cáo Phạm Thế N đã nộp theo biên lai thu tiền số 009254, ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung để khắc phục hậu quả cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Đối với số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*), ông Tăng Văn C là người đại diện hợp pháp của bị cáo Tăng Hoàng P đã nộp thay bị cáo Tăng Hoàng P theo biên lai thu tiền số 009253, ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung để khắc phục hậu quả cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo N từ 03 tháng đến 05 tháng tù, xử phạt bị cáo P từ 03 tháng đến 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Lời trình bày của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Tăng Hoàng P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo P được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên đề nghị của vị Luật sư cho bị cáo P được hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận. Lời trình bày của vị Luật sư về việc bị cáo P phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Lời trình bày của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thế N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo Ngọc là có cơ sở chấp nhận. Lời trình bày của vị luật sư về việc bị cáo N phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, cho bị cáo được hưởng án treo đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, trong vụ án bị cáo N trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên không xem bị cáo có tiền sự mà là bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo N là người biết chỗ bị hại H để tài sản đã trực tiếp rủ P tham gia trộm cắp tài sản (bút lục số 93, 95) nên không có cơ sở chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng:

[11.1] Công an huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 65X3-5877, tình trạng xe đã qua sử dụng và đã cũ của ông Tăng Văn C; thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Satria biển kiểm soát 83D1-22861, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng xe hoạt động bình thường. Xét thấy xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 65X3-5877 thuộc sở hữu hợp pháp của ông Tăng Văn C, xe mô tô nhãn hiệu Satria, biển kiểm soát 83D1-22861 thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Tấn Phát nên Công an huyện Cù Lao Dung đã trả lại cho ông C và ông P và ông C, ông P không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11.2] Bị hại ông Lê Phước H yêu cầu được nhận lại 05 (năm) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD gồm các tờ có số seri sau: MB72222008S; JJ29004988A; MF90333239C; MD97279675A; LG60550147C; 14 (mười bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) bật lửa màu trắng có in họa tiết bông hoa và hình giống quả táo; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu trắng có kích thước (1,8x1,9x65) cm, trên ổ khóa có chữ “KHÓA TREO CHỐNG CẮT, ANTI-CUT PAD LOCK” và dòng chữ “VIỆT TIỆP” nằm ngang trong tình trạng khóa, bên trong có hai khoen kim loại, xác định đây là tài sản của ông Lê Phước H do đó cần trả lại cho ông Lê Phước H.

[11.3] Đối với vật chứng là 01 (một) chìa khóa mở Bu-Lon 17mm bằng kim loại màu trắng, dài 24,5cm, một đầu miêng, một đầu tròn, tình trạng đã qua sử dụng và đã cũ; 01 (một) chìa khóa mở Bu-Lon 19 mm bằng kim loại màu đen, dài 26,5 cm, một đầu miêng, một đầu tròn, tình trạng đã qua sử dụng và đã cũ. Trong quá trình điều tra xác định là của ông Trần Văn M các bị cáo mượn để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, trong quá trình điều tra ông M không yêu cầu nhận lại và vật chứng nêu trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại ông H yêu cầu bị cáo N bồi thường 540.000 đồng, ông H yêu cầu bị cáo P, ông Tăng Văn C bồi thường 540.000 đồng. Bị cáo N, bị cáo P và ông C thống nhất với yêu cầu bị hại. Xét thấy, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật và đạo đức xã hội do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền 540.000 đồng, buộc bị cáo P, ông Tăng Văn C bồi thường cho bị hại số tiền 540.000 đồng theo Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[13] Các vấn đề khác:

[13.1] Đối với Phan Tuấn A biết rõ tiền của P gửi là tiền do trộm cắp của người khác mà có nhưng vẫn có hành vi “chứa chấp tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Nhưng do Phan Tuấn A chưa đủ 16 tuổi (sinh ngày 27/6/2005) nên không truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Tuấn A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13.2] Đối với Lữ Bữu K sau khi rọi đèn cho Phan Tuấn A giấu tiền xong thì mới biết số tiền mà Phan Tuấn A đem cất giấu là tiền do P trộm được mà có và gửi cho Tuấn A cất giấu nên Lữ Bữu K có dấu hiệu phạm tội “che giấu tội phạm” quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự, nhưng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với việc che giấu tội phạm “trộm cắp tài sản” khi thuộc khoản 2 Điều 173 Bộ Luật Hình sự. Đồng thời trong Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 không có quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “che giấu tội phạm”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự, hành chính đối với Lữ Bữu K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13.3] Đối với Hồ Hoàng M trong quá trình điều tra bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P khai nhận cùng M thực hiện hành vi lấy trộm tiền của bị hại Lê Phước H vào ngày 26/7/2020. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C chưa làm việc được với Hồ Hoàng M, không có tài liệu nào khác chứng minh M là đồng phạm trong vụ trộm, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã ra thông báo truy tìm Hồ Hoàng M, đến khi truy tìm được Hồ Hoàng M sẽ tiến hành làm việc và xử lý sau đúng theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo Tăng Hoàng P là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận cho bị cáo Tăng Hoàng P được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thế N và bị cáo Tăng Hoàng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thế N 03 (*ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt đi thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Tăng Hoàng P 03 (*ba*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2021.

Giao bị cáo Tăng Hoàng P cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các điều 357, 584, 585, 586, 589, buộc bị cáo Phạm Thế N bồi thường bị hại Lê Phước H số tiền 540.000 đồng, buộc bị cáo Tăng Hoàng P liên đới với ông Tăng Văn C bồi thường bị hại ông Lê Phước H số tiền 540.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Phước H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Phạm Thế N, bị cáo Tăng Hoàng P và ông Tăng Văn C không thực hiện việc trả tiền thì bị cáo N, bị cáo P và ông C còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*), bị cáo Phạm Thế N đã nộp theo biên lai thu tiền số 009254, ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi khấu trừ khoản tiền bồi thường, tiền án phí, trả lại cho bị cáo N số tiền còn thừa.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*), ông Tăng Văn C là người đại diện hợp pháp của bị cáo Tăng Hoàng P đã nộp thay bị cáo Tăng Hoàng P theo biên lai thu tiền số 009253, ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung để đảm bảo cho

việc thi hành án. Sau khi khấu trừ khoản tiền bồi thường, trả lại cho bị cáo Tăng Hoàng P có người đại diện hợp pháp là ông Tăng Văn C số tiền còn thừa.

4. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự trả lại cho bị hại ông Lê Phước H 05 (năm) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD gồm các tờ có số seri sau: MB72222008S; JJ29004988A; MF90333239C; MD97279675A; LG60550147C; 14 (mười bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) bật lửa màu trắng có in họa tiết bông hoa và hình giống quả táo; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu trắng có kích thước (1,8x1,9x65) cm, trên ổ khóa có chữ “KHÓA TREO CHỐNG CẮT, ANTI-CUT PAD LOCK” và dòng chữ “VIỆT TIỆP” nằm ngang trong tình trạng khóa, bên trong có hai khoen kim loại.

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chìa khóa mở Bu-Lon 17mm bằng kim loại màu trắng, dài 24,5cm, một đầu miêng, một đầu tròn, tình trạng đã qua sử dụng và đã cũ; 01 (một) chìa khóa mở Bu-Lon 19 mm bằng kim loại màu đen, dài 26,5 cm, một đầu miêng, một đầu tròn, tình trạng đã qua sử dụng và đã cũ.

5. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Phạm Thế N, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Về án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Phạm Thế N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bị cáo Tăng Hoàng P được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, người bào chữa, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Công an huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường